

Mẫu số 5 - Phân tích Bạch Đằng hải khẩu của Nguyễn Trãi

Bài thơ "Bạch Đằng hải khẩu" rút trong tập thơ "Ức Trai thi tập" hiện có 105 bài thơ chữ Hán. Trong "Nguyễn Trãi toàn tập" học giả Đào Duy Anh xếp bài thơ này vào số 45/105 bài.

Bạch Đằng là dòng sông lịch sử oai hùng. Năm 938 Ngô Quyền chém đầu tướng Hoàng Thao tiêu diệt quân Nam Hán xâm lược. Năm 981 Lê Hoàn đánh bại giặc Tống. Năm 1288 Trần Quốc Tuấn đại phá giặc Nguyên Mông bắt sống ở Mã Nhi. Bài thơ "Cửa biển Bạch Đằng" ca ngợi sông Bạch Đằng hùng vĩ là mồ chôn quân xâm lược. Nhìn dòng sông, Nguyễn Trãi tự hào về cửa ải hiểm trở, tự hào về anh hùng hào kiệt, rồi lòng man mác băng khuâng.

Bao trùm toàn bài thơ là cảm hứng lịch sử, là niềm tự hào dân tộc. Bài thơ chữ Hán viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Ngôn ngữ cổ kính trang trọng, hàm súc.

Nguyễn Trãi đến thăm cửa biển Bạch Đằng với cánh buồm thơ lộng gió tâm hồn thi sĩ. Gió bắc thổi mạnh trên mặt biển. Hình ảnh "cánh buồm thơ nhẹ" là một nét vẽ thần tình và tài hoa:

"Biển rung gió bắc thế bồng bồng
Nhẹ cất buồm thơ lướt Bạch Đằng".

Ngắm biển trời bát ngát mênh mông, nhà thơ xúc động miêu tả cảnh núi non, bờ bãi nơi cửa biển Bạch Đằng bằng hai nét vẽ ẩn dụ hoành tráng, cái cao cái thấp, cái gần cái xa, đấng đối gọi cảm:

"Kình ngạc bằm vằm non mấy khúc,
Giáo gươm chìm gãy bãi bao tàng".

Núi nhấp nhô từng khúc như cá sấu bị chặt, cá kình bị mổ. "Kình ngạc" trong thơ cổ tượng trưng cho lũ giặc dữ; trong văn cảnh chỉ lũ giặc phương Bắc bị quân ta tiêu diệt trên Bạch Đằng giang. Bờ bãi lộp lộp như giáo gươm (quân xâm lược) bị chìm gãy chồng chất lên.

Cũng là hình ảnh ẩn dụ gợi tả sự thất trận của lũ giặc Nam Hán, giặc Tống, giặc Nguyên Mông thưở nào. Đây là hai câu thơ có hình tượng kì vĩ, hàm súc, giàu chất liên tưởng, mang cảm hứng lịch sử oai hùng. Sông Bạch Đằng, cửa biển Bạch Đằng là tử địa quân xâm lược phương Bắc:

"Bạch Đằng một cõi chiến tràng
Xương phơi trắng đất, máu màng đỏ sông".

(Đại Nam Quốc sử diễn ca)

Thơ trở nên sâu lắng trong suy tưởng. Nguyễn Trãi khẳng định quan hà hiểm yếu. Sông Bạch Đằng hiểm yếu do thiên nhiên sắp đặt ra. Cũng là nơi để bậc anh hùng dụng binh chông giặc, lập nên bao chiến công lừng lẫy: "Tiếng thom đôn mãi – Bia miệng chẳng mòn" (Trương Hán Siêu). Phép đối tạo nên vần thơ đẹp, ca ngợi núi sông hiểm trở, dân tộc Đại Việt có nhiều anh hùng hào kiệt:

"Quan hà hiểm yếu trời kia đặt,
Hào kiệt công danh đất ấy từng".

Tên tuổi những anh hùng như Ngô Quyền, Lê Hoàn, Trần Quốc Tuấn... bắt tử với sông Bạch Đằng lịch sử.

Giọng thơ càng về cuối càng thiết tha sâu lắng. Đối cảnh mà sinh tình. Đến dòng sông nhìn cảnh mà nhớ bóng người xưa, lòng dạ cảm hoài băng khuâng khôn xiết kể. Hoài niệm tạo nên chất thơ. Tự hào, nhớ thương, nghĩ về cái còn và cái mất, cái hiện tại và cái đã qua:

"Việc trước quay đầu ôi đã vắng
Tới dòng ngắm cảnh dạ băng khuâng".

Cũng nói về hồn thiêng sông núi, cũng nói về đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi sức mạnh Việt Nam mà Nguyễn Trãi chỉ nói về một cửa biển và một dòng sông Bạch Đằng. Mỗi chữ, mỗi câu thơ, mỗi hình ảnh về cửa biển Bạch Đằng mà nhà thơ nói đến như nâng cao tâm vóc lớn lao của dân tộc để chúng ta yêu thêm

sông núi tỏ quốc thân yêu, yêu thêm truyền thống anh hùng của dân tộc và tin tưởng vào tiền đồ xán lạn của đất nước muôn đời.

"Cửa biển Bạch Đằng" là bài thơ kiệt tác tiêu biểu cho hồn thơ trang trọng hào hùng và tráng lệ của Nguyễn Trãi, mãi mãi "lấp lánh sao Khuê".